

Số: 71/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 08 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 671/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đ.T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Lê P.T.Y, sinh năm 1988;

Địa chỉ ĐKNKTT: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
nơi cư trú hiện tại: Đường K, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đ.T và chị Lê P.T.Y kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tiến hành đăng ký kết hôn vào tháng 5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống có nhiều khác biệt nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7/2019 cho đến nay, hai người không còn sống chung, không quan tâm gì đến nhau. Anh T và chị Y đều nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Trần M.Q, sinh ngày 25/11/2018 và thỏa thuận: Giao cháu Q cho chị Lê P.T.Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Trần Đ.T không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản (nợ) chung: Hai đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng: Anh Trần Đ.T và chị Lê P.T.Y phải chịu theo luật định. Hai đương sự thỏa thuận, mỗi người chịu 150.000 đồng.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 29 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đ.T và chị Lê P.T.Y.

- Về con chung: Giao cháu Trần M.Q, sinh ngày 25/11/2018 cho chị Lê P.T.Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Trần Đ.T không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản (nợ) chung: Anh Trần Đ.T và chị Lê P.T.Y đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng: Anh Trần Đ.T và chị Lê P.T.Y phải chịu, mỗi người 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002115 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T, chị Y đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường H;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam